

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN THÀNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MỤC LỤC

NỘI DUNG	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần chứng khoán An Thành (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2014 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Bình Đông	Chủ tịch
Ông Phạm Ngọc Phú	Ủy viên
Ông Phạm Đức Toàn	Ủy viên
Ông Phạm Ngọc Toàn	Ủy viên
Ông Hà Huy Liệu	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Ngọc Phú	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Đình Trọng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25/8/2014)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

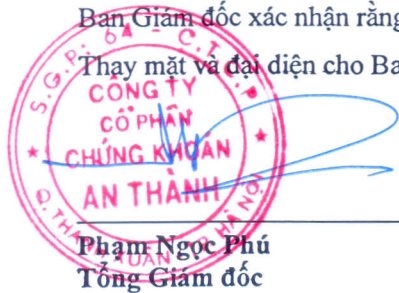
Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong quá trình lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Ngọc Phú
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2015

Số: 43 /2015/AP - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị
Các cổ đông và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần chứng khoán An Thành (gọi tắt là “Công ty”), cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 20 kèm theo và được lập ngày 16 tháng 3 năm 2015.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần chứng khoán An Thành tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính áp dụng cho Công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Vấn đề khác

Như đã trình bày tại thuyết minh số 9 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Số dư khoản phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2014 của Công ty khoảng 5.430 triệu đồng là các khoản phải thu một số đối tượng đã quá hạn thanh toán và có dấu hiệu khó đòi. Công ty đang tích cực áp dụng các biện pháp cần thiết để thu hồi công nợ, đồng thời trích lập dự phòng phải thu khó đòi ở mức 100% số nợ gốc và phản ánh vào chi phí dự phòng hoạt động kinh doanh chứng khoán năm 2014 với số tiền khoảng 2.318 triệu đồng (số đã trích lập trong các năm trước khoảng 3.112 triệu đồng). Kết quả kinh doanh năm 2014 của Công ty bị lỗ 679 triệu đồng, lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2014 khoảng 5.431 triệu đồng. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng thị trường chứng khoán đang có những chuyển biến tích cực nên hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới sẽ gặp nhiều thuận lợi hơn, tình hình tài chính sẽ từng bước được cải thiện.



Vũ Bình Minh

Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0034-2013-148-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2015

Đoàn Thu Hằng

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1396-2013-148-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01 - CTCK
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		45.586.509.172	49.214.750.236
I. Tiền	110	4	15.117.115.989	9.628.837.714
1. Tiền	111		15.117.115.989	7.828.837.714
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.800.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	153.000.000	333.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.250.500.000	1.250.500.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.097.500.000)	(917.500.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.860.540.274	38.707.479.044
2. Trả trước cho người bán	132	6	4.063.585.363	4.072.663.579
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	7	25.792.468.040	30.391.835.828
4. Các khoản phải thu khác	138	8	5.434.949.477	7.534.922.261
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	9	(5.430.462.606)	(3.291.942.624)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		455.852.909	545.433.478
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		423.004.886	492.445.455
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		32.848.023	52.988.023
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.202.703.754	2.361.893.531
I. Tài sản cố định	220		177.447.407	395.183.892
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	-	-
- Nguyên giá	222		4.874.635.474	4.874.635.474
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.874.635.474)	(4.874.635.474)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	177.447.407	395.183.892
- Nguyên giá	228		3.703.179.700	3.703.179.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.525.732.293)	(3.307.995.808)
II. Tài sản dài hạn khác	260		2.025.256.347	1.966.709.639
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		165.072.118	191.066.494
2. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	263	12	1.500.729.229	1.419.252.081
3. Tài sản dài hạn khác	268		359.455.000	356.391.064
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		47.789.212.926	51.576.643.767

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01 - CTCK
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		11.818.812.241	14.926.991.687
I. Nợ ngắn hạn	310		11.513.933.776	14.622.113.222
2. Phải trả người bán	312		116.454.545	185.440.000
3. Người mua trả tiền trước	313		4.501.000	4.500.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	72.948.512	65.995.498
5. Phải trả người lao động	315		102.641.562	95.997.679
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		196.334.471	195.864.471
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	14	10.938.326.330	13.991.588.262
10. Doanh thu chưa thực hiện	328		82.727.356	82.727.312
II. Nợ dài hạn	330		304.878.465	304.878.465
1. Phải trả dài hạn khác	333	15	304.878.465	304.878.465
B. NGUỒN VỐN	400		35.970.400.685	36.649.652.080
I. Vốn chủ sở hữu	410		35.970.400.685	36.649.652.080
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	16	41.000.000.000	41.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413	16	254.256.853	254.256.853
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	16	147.260.702	147.260.702
4. Lỗ lũy kế	420	16	(5.431.116.870)	(4.751.865.475)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		47.789.212.926	51.576.643.767

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	31/12/2014	01/01/2014
6. Chứng khoán lưu ký	006	123.850.400.000	104.841.980.000
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	123.841.800.000	104.783.910.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của KH trong nước	009	123.841.800.000	104.783.910.000
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	8.600.000	58.070.000
6.7.2 Chứng khoán chờ g/dịch của KH trong nước	039	8.600.000	58.070.000
7.5 Chứng khoán chờ thanh toán	070	3.626.300.000	-
7.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của KH trong nước	073	3.626.300.000	-

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2015

Người lập



Nguyễn Văn Hùng

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hùng

Tổng Giám đốc



Phạm Ngọc Phú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MẪU SỐ B 02 - CTCK
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	10.288.154.860	9.893.952.792
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		3.963.122.986	2.246.724.664
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán	01.2		-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.3		-	-
Doanh thu khác	01.9		6.325.031.874	7.647.228.128
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10	17	10.288.154.860	9.893.952.792
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	18	7.386.566.264	7.162.826.247
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		2.901.588.596	2.731.126.545
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	19	3.495.798.717	3.492.935.694
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(594.210.121)	(761.809.149)
8. Thu nhập khác	31		39.962.124	5.266.428
9. Chi phí khác	32		125.003.398	101.007.148
10. Lợi nhuận (lỗ) khác	40		(85.041.274)	(95.740.720)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(679.251.395)	(857.549.869)
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
13. Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế	60		(679.251.395)	(857.549.869)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(166)	(209)

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2015

Người lập



Nguyễn Văn Hùng

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hùng

Tổng Giám đốc



Phạm Ngọc Phú

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
(Theo phương pháp trực tiếp)

MẪU SỐ B 03 - CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01	8.294.664.245	8.523.755.118
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	02	(857.032.470)	(674.404.850)
4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06	304.710.328.524	188.233.610.378
5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07	(298.364.386.180)	(184.065.130.772)
8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10	(4.373.430.561)	(4.442.800.409)
9. Tiền chi trả cho người lao động	11	(2.467.196.764)	(2.066.620.504)
10. Tiền chi trả lãi vay	12	(17.720.867)	(236.982.642)
12. Tiền thu khác	14	73.905.329	82.280.792
13. Tiền chi khác	15	(1.757.387.090)	(5.235.587.648)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>5.241.744.166</i>	<i>118.119.463</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(115.921.818)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	246.534.109	1.395.864.455
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>246.534.109</i>	<i>1.279.942.637</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	17.966.000.000	61.975.099.682
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(17.966.000.000)	(71.120.564.283)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>-</i>	<i>(9.145.464.601)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>	<i>5.488.278.275</i>	<i>(7.747.402.501)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	9.628.837.714	17.376.240.215
Ảnh hưởng từ việc thay đổi tỷ giá ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	15.117.115.989	9.628.837.714

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Văn Hùng

Nguyễn Văn Hùng

Phạm Ngọc Phú

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - CTCK***Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần chứng khoán An Thành (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 64/UBCK-GP ngày 28/11/2007 của Ủy ban Chứng khoán nhà nước. Giấy phép điều chỉnh số 297/UBCK-GP ngày 25/01/2010. Vốn điều lệ của Công ty là 41.000.000.000 đồng tương đương 4.100.000 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phần.

Trụ sở của Công ty đặt tại Tầng 1 - Tòa nhà 18T2 - Trung Hòa Nhân Chính - Quận Thanh Xuân - Hà Nội. Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2014 là 21 người (tại ngày 31/12/2013 là: 21 người).

Ngành, nghề kinh doanh

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, đã được sửa đổi, bổ sung bằng Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn, bổ sung hiện hành khác về kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán tại Việt Nam.

Chế độ kế toán mới đã ban hành

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”). Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 trở đi thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và các hướng dẫn kế toán khác có liên quan. Ban Giám đốc Công ty sẽ xem xét và đánh giá ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán để điều chỉnh việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty cho các kỳ kế toán tiếp theo phù hợp với các quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Hình thức ghi sổ kế toán: Hình thức Nhật ký chung.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành lượng tiền xác định. Tiền gửi ngân hàng bao gồm tiền gửi Ngân hàng của Công ty và tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán: bao gồm các tài khoản giao dịch, trung gian thanh toán bù trừ, thanh toán cổ tức và các tài khoản trung gian thanh toán khác cho các mục đích khác nhau của Công ty chứng khoán.

Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán thương mại và các khoản đầu tư ngắn hạn khác của Công ty, được phản ánh trên Báo cáo tài chính theo giá mua. Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư được Công ty áp dụng theo Thông tư 146/TT-BTC ngày 06/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, dựa trên các thông tin về giá giao dịch của cổ phiếu trên thị trường (trong trường hợp cổ phiếu đã niêm yết hoặc thị trường UPCOM) hoặc dựa trên xét đoán của Ban Giám đốc về mức độ tổn thất của các khoản đầu tư ngắn hạn theo thực tế hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp đầu tư và các thông tin khác trên thị trường chứng khoán.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu nợ khó đòi

Các khoản phải thu bao gồm phải thu khách hàng về cung cấp dịch vụ (môi giới, tư vấn) và các khoản phải thu khác về hoạt động giao dịch chứng khoán. Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị có thể thực hiện được ước tính sau khi đã lập dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc đối với các khoản nợ có bằng chứng về việc không thể thu hồi được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Các khoản phải trả về giao dịch chứng khoán

Phải trả về hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh khoản tiền công ty nhận được từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư.

Các khoản phải trả hộ về cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải thanh toán hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền.

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là giá trị phần mềm quản lý giao dịch chứng khoán và phần mềm kế toán, được hạch toán theo giá mua trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính phù hợp với các quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể của từng loại tài sản như sau:

Loại tài sản cố định

Năm

Máy móc thiết bị

3 - 10

Phần mềm quản lý

3 - 5

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các chi phí phát sinh được Công ty ước tính có thể đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai và được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Khoản nộp cho quỹ hỗ trợ thanh toán được dùng phục vụ cho mục đích thanh toán bù trừ của Công ty chứng khoán với Trung tâm lưu ký chứng khoán, được đồng định kỳ theo thông báo của Trung tâm lưu ký. Tiền lãi hàng năm được nhập gốc và được coi là thu nhập của Công ty chứng khoán.

Doanh thu

Hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thu tiền.

Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của Công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức, cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Báo cáo kết quả kinh doanh dựa trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ; lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Doanh thu cung cấp dịch vụ và Doanh thu khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành và người mua chấp nhận thanh toán. Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi Ngân hàng được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả kinh doanh khi phát sinh

Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tuy nhiên, không có bất kỳ tài sản hoặc công nợ thuế hoãn lại nào được ghi nhận tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế tương ứng trong tương lai.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

4. TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	9.715.779	7.212.548
Tiền gửi ngân hàng của Công ty	4.169.073.880	109.121.904
Tiền gửi ngân hàng của nhà đầu tư	10.938.326.330	7.712.503.262
Các khoản tương đương tiền	-	1.800.000.000
	15.117.115.989	9.628.837.714

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chứng khoán thương mại		
- Cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM	1.250.500.000	1.250.500.000
	1.250.500.000	1.250.500.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(1.097.500.000)	(917.500.000)
Tổng cộng	153.000.000	333.000.000

Tình hình đầu tư chứng khoán thương mại

	Số lượng (CP)		Giá trị theo sổ kế toán	
	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014
Cổ phiếu			VND	VND
CTCP Thép Biên Hòa	45.000	45.000	1.250.500.000	1.250.500.000
Cộng	45.000	45.000	1.250.500.000	1.250.500.000

(*) Giá chứng khoán thực tế làm cơ sở trích lập dự phòng là giá đóng cửa tại ngày 31/12/2014 (3.400 đồng/cổ phiếu).

6. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty CP Tập đoàn địa ốc Viễn Đông (*)	4.000.000.000	4.000.000.000
Đối tượng khác	63.585.363	72.663.579
Tổng cộng	4.063.585.363	4.072.663.579

(*) Khoản ứng trước cho Công ty cổ phần Tập đoàn địa ốc Viễn Đông theo Hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê số 017/HĐKT/VIENDONG-ANTHANH ngày 15/12/2013 tương ứng với 30% giá trị hợp đồng tạm tính cho diện tích văn phòng 300 m2 tại Tầng 1 - Tòa nhà Viễn Đông - số 36 phố Hoàng Cầu - P. Ô Chợ Dừa - Quận Đống Đa - Hà Nội, thời gian dự kiến bàn giao mặt bằng vào quý 2/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu tiền tạm ứng bán chứng khoán	132.271.568	5.739.297.655
Phải thu về hợp tác kinh doanh (cho vay Margin)	25.660.196.472	24.652.538.173
Tổng cộng	25.792.468.040	30.391.835.828

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	510.752	1.055.253
Bảo hiểm y tế	911.118	371.118
Các khoản phải thu khác (*)	5.433.527.607	11.533.495.890
Tổng cộng	5.434.949.477	11.534.922.261

(*) Số dư các khoản phải thu khác bao gồm chủ yếu là các khoản nợ tồn đọng giai đoạn 2008-2012. Công ty vẫn đang tiếp tục thực hiện các biện pháp cần thiết để thu hồi công nợ, đồng thời trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản nợ khó đòi ở mức độ hợp lý phù hợp với tình hình tài chính của Công ty (xem thuyết minh số 9).

9. TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Số dư khoản phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2014 của Công ty khoảng 5.430 triệu đồng là các khoản phải thu của một số đối tượng đã quá hạn và có dấu hiệu khó đòi. Công ty đang tích cực áp dụng các biện pháp cần thiết để thu hồi công nợ, đồng thời đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi ở mức 100% số nợ gốc vào chi phí dự phòng hoạt động kinh doanh chứng khoán năm 2014 với số tiền khoảng 2.318 triệu đồng.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2014	4.874.635.474	4.874.635.474
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2014	4.874.635.474	4.874.635.474
KHẤU HAO LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2014	4.874.635.474	4.874.635.474
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2014	4.874.635.474	4.874.635.474
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2014	-	-
Tại ngày 31/12/2014	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2014	3.703.179.700	3.703.179.700
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2014	3.703.179.700	3.703.179.700
KHẤU HAO LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2014	3.307.995.808	3.307.995.808
Tăng trong năm	217.736.485	217.736.485
- Trích khấu hao	217.736.485	217.736.485
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2014	3.525.732.293	3.525.732.293
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2014	395.183.892	395.183.892
Tại ngày 31/12/2014	177.447.407	177.447.407

12. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Số dư đầu năm	1.419.252.081	1.272.910.199
Tiền lãi phân bổ trong năm	81.477.148	146.341.882
Tổng cộng	1.500.729.229	1.419.252.081

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế Giá trị gia tăng	1.004.374	492.947
Thuế Thu nhập cá nhân	71.944.138	65.502.551
Tổng cộng	72.948.512	65.995.498

14. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền giao dịch của các nhà đầu tư	7.640.731.330	7.712.503.262
Thanh toán chờ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	3.297.595.000	6.279.085.000
Tổng cộng	10.938.326.330	13.991.588.262

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

15. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Là khoản nhận tiền đặt cọc thuê văn phòng tại Tầng 1 - Tòa nhà 18T2 - Trung Hòa Nhân Chính làm phòng Giao dịch của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2013	41.000.000.000	254.256.853	147.260.702	(3.894.315.606)
Lỗ trong năm	-	-	-	(857.549.869)
Số dư tại 31/12/2013	41.000.000.000	254.256.853	147.260.702	(4.751.865.475)
Lỗ trong năm	-	-	-	(679.251.395)
Số dư tại 31/12/2014	41.000.000.000	254.256.853	147.260.702	(5.431.116.870)

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số tiền đăng ký VND	Số tiền thực góp VND
Cổ đông sáng lập	2.585.000	63,05%	25.850.000.000	25.850.000.000
1. Ông Phạm Ngọc Phú	1.080.000	26,34%	10.800.000.000	10.800.000.000
2. Ông Phạm Đức Toàn	795.000	19,39%	7.950.000.000	7.950.000.000
3. Công ty TNHH Viễn Đông II	700.000	17,07%	7.000.000.000	7.000.000.000
4. Ông Nguyễn Hữu Long	10.000	0,24%	100.000.000	100.000.000
Cổ đông khác	1.515.000	36,95%	15.150.000.000	15.150.000.000
	4.100.000	100,00%	41.000.000.000	41.000.000.000

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	10.288.154.860	9.893.952.792
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	3.963.122.986	2.246.724.664
Doanh thu khác	6.325.031.874	7.647.228.128
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10.288.154.860	9.893.952.792

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới và lưu ký chứng khoán	1.260.095.265	1.037.103.876
Chi phí trực tiếp chung	6.126.470.999	6.125.722.371
- Chi phí nhân viên	554.096.249	188.628.673
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	209.247.600	1.107.063.954
- Chi phí dự phòng kinh doanh chứng khoán	2.318.519.982	1.940.591.043
- Chi phí trực tiếp khác	3.044.607.168	2.889.438.701
Tổng cộng	7.386.566.264	7.162.826.247

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.183.493.882	1.995.000.619
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	66.574.309	85.492.422
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.599.996	2.488.888
Thuế, phí và lệ phí	380.691.420	371.008.807
Chi phí dịch vụ mua ngoài	587.285.855	780.162.117
Chi phí bằng tiền khác	258.153.255	258.782.841
Tổng cộng	3.495.798.717	3.492.935.694

20. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng GDCK thực hiện trong năm	Giá trị GDCK thực hiện trong năm
Của Công ty Chứng khoán	-	-
Của Nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	147.830.851	2.145.680.483.300

21. CỔ PHIẾU

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.100.000	4.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.100.000	4.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.100.000	4.100.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.100.000	4.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.100.000	4.100.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính, công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ 31/12/2014	Giá trị ghi sổ 01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.117.115.989	9.628.837.714
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.796.954.911	34.634.815.465
Các khoản đầu tư	153.000.000	333.000.000
Tài sản tài chính khác	32.848.023	54.688.000
Cộng	41.099.918.923	44.651.341.179
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	11.251.115.346	14.187.452.733
Cộng	11.251.115.346	14.187.452.733

Ngoài việc thực hiện các biện pháp dự phòng rủi ro theo hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính đối với các khoản phải thu khó đòi, các khoản đầu tư bị tổn thất, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc giá trị của dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động do sự biến động về giá trên thị trường. Rủi ro thị trường bị ảnh hưởng bởi các loại: Rủi ro tỷ giá ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá cả khác. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất trên thị trường.

Quản lý rủi ro tỷ giá ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc giá trị dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái. Đồng tiền giao dịch chính của Công ty là Đồng Việt Nam (VND). Trong năm 2014, Công ty không có nhu cầu và giao dịch về ngoại tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất liên quan đến dòng tiền là rủi ro khi dòng tiền trong tương lai của công cụ tài chính diễn biến bất thường do những biến động của lãi suất thị trường. Công ty chịu rủi ro lãi suất chủ yếu phát sinh từ các khoản cho vay hưởng lãi suất, các khoản đi vay chịu lãi suất đã được ký kết do các Hợp đồng vay vốn được qui định theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng chiến lược phân tích và dự báo thị trường, lựa chọn thời điểm và ngân hàng phù hợp, duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá cả

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn (đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá trên thị trường). Hiện tại, Công ty không chịu nhiều rủi ro về giá chứng khoán vốn do Công ty không có các khoản đầu tư vào nhóm cổ phiếu sẵn sàng để bán. Công ty xác định các khoản đầu tư vào công cụ vốn khác sẽ được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong ngắn hạn.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty quản lý rủi ro này bằng cách xây dựng chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không để có biện pháp thu hồi công nợ cũng như đưa ra phương án dự phòng rủi ro phù hợp.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát được tương ứng với nguồn vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh (bao gồm cả gốc và lãi) và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận và được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 31/12/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	11.251.115.346	-	11.251.115.346
Tại 01/01/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	14.187.452.733	-	14.187.452.733

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính (bao gồm cả lãi từ các tài sản đó, nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.117.115.989	-	15.117.115.989
Các khoản đầu tư	153.000.000	-	153.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.796.954.911	-	25.796.954.911
Tài sản tài chính khác	32.848.023	-	32.848.023
Tại 01/01/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.628.837.714	-	9.628.837.714
Các khoản đầu tư	333.000.000	-	333.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	38.634.815.465	-	38.634.815.465
Tài sản tài chính khác	54.688.000	-	

Đo lường theo giá trị hợp lý

Các tài sản tài chính và công nợ tài chính của Công ty đang được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá tài sản. Do vậy giá trị ghi sổ của các khoản tài sản tài chính và công nợ tài chính của Công ty có thể khác biệt với giá trị hợp lý (theo giá thị trường).

Hiện tại, Công ty chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của tất cả các tài sản tài chính và công nợ tài chính của mình do đang chờ Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn việc xác định và trình bày giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính.

23. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	574.000.000	548.000.000

24. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Văn Hùng

Nguyễn Văn Hùng

Phạm Ngọc Phú